Biểu 3

KẾT QUẢ SỬ DỤNG, GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024, ĐỀ XUẤT NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo							Kết quả bố trí, sử dụng, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn các chương trình đến năm 2024					
									Kế hoạch, dự toán vốn CTMTQG giai đoạn 2021-2023					
									Tổng cộng giai đoạn 2021-2023					
		Tổng cộng	KHĐTC nguồn NSNN				Thông báo vốn SN		Tổng cộng	NSNN				
			NSTW			NSĐP	NSTW	NSĐP		NSTW			NSĐP	
			Tổng	Trong đó:						ĐTPT		SN	ĐTPT	SN
				Trong nước	Ngoài nước					Trong nước	Ngoài nước	Trong nước		
	TỔNG CỘNG													
1	Dự án 1													
1,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 1*													
1,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 1*													
2	Dự án 2								3.113.000.000			###########		407.000.000
3	Dự án 3								1.629.000.000					
3	*Tiểu Dự án 1 Dự án 3*								1.320.000.000			1.148.000.000		172.000.000
3	*Tiểu Dự án 2 Dự án 3*								309.000.000			269.000.000		40.000.000
4	Dự án 4								1.929.000.000					
4	*Tiểu Dự án 1 Dự án 4*								1.438.000.000			###########		187.000.000
4	*Tiểu Dự án 2 Dự án 4*								0					
4	*Tiểu Dự án 3 Dự án 4*								491.000.000	148.000.000		298.000.000		45.000.000
5	Dự án 5								0					
6	Dự án 6													
6,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 6*													
6.2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 6*								200000000			177000000		23000000
7	Dự án 7											562000000		84000000
7,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 7*													
7,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 7*													

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kết quả bố trí, sử dụng, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn các chương trình đến năm 2024																	
		Kế hoạch, dự toán vốn CTMTQG giai đoạn 2021-2023																	
		Đã giải ngân đến hết 31/01/2024						Đã làm thủ tục kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/2023/QH15; số 108/2023/QH15						Kết quả giải ngân vốn đã làm thủ tục kéo dài sang năm 2024 trong 6 tháng đầu năm 2024					
		Tổng cộng	NSNN					Tổng cộng	NSNN					Tổng cộng	NSNN				
			NSTW			NSĐP			NSTW			NSĐP			NSTW			NSĐP	
			ĐTPT		SN	ĐTPT	SN		ĐTPT		SN	ĐTPT	SN		ĐTPT		SN	ĐTPT	SN
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước		
	TỔNG CỘNG																		
1	Dự án 1																		
1,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 1*																		
1,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 1*																		
2	Dự án 2	3.054.155.000			2.706.000.000		348.155.000	0	0	0									
3	Dự án 3	0																	
3	*Tiểu Dự án 1 Dự án 3*	1.209.040.000			1.148.000.000		61.040.000	110.960.000					110.960.000						
3	*Tiểu Dự án 2 Dự án 3*	0			0		0	309.000.000			269.000.000		40.000.000				269.000.000		10.000.000
4	Dự án 4																		
4	*Tiểu Dự án 1 Dự án 4*	203.648.722			203.648.722			1.234.351.278			1.047.351.278		187.000.000						
4	*Tiểu Dự án 2 Dự án 4*																		
4	*Tiểu Dự án 3 Dự án 4*	489.425.790	148.000.000		298.000.000		43.425.790	1.574.210					1.574.210						
5	Dự án 5																		
6	Dự án 6																		
6,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 6*																		
6.2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 6*	197440990			177000000		20440990						2559010						
7	Dự án 7				372564441		15000000	258435559			189435559		69000000						
7,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 7*																		
7,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 7*																		

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kết quả bố trí, sử dụng, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn các chương trình đến năm 2024												Dự kiến nhu cầu năm 2025						Ghi chú
		Kết quả thực hiện kế hoạch vốn năm 2024																		
		Tổng cộng năm 2024						Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm						Tổng nhu cầu						
		Tổng cộng	NSNN					Tổng cộng	NSNN					Tổng cộng	NSNN					
			NSTW			NSĐP			NSTW			NSĐP			NSTW			NSĐP		
			ĐTPT		SN	ĐTPT	SN		ĐTPT		SN	ĐTPT	SN		ĐTPT		SN	ĐTPT	SN	
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước				Trong nước	Ngoài nước	Trong nước			
	TỔNG CỘNG																			
1	Dự án 1																			
1,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 1*																			
1,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 1*																			
2	Dự án 2	1.749.000.000			1.521.000.000		228.000.000							840.000.000			730.000.000		110.000.000	
3	Dự án 3	0																		
3	*Tiểu Dự án 1 Dự án 3*	674.000.000			586.000.000		88.000.000							336.000.000			292.000.000		44.000.000	
3	*Tiểu Dự án 2 Dự án 3*	280.000.000			244.000.000		36.000.000							200.000.000			174.000.000		26.000.000	
4	Dự án 4	0																		
4	*Tiểu Dự án 1 Dự án 4*	239.000.000			208.000.000		31.000.000							304.000.000			264.000.000		40.000.000	
4	*Tiểu Dự án 2 Dự án 4*																			
4	*Tiểu Dự án 3 Dự án 4*	570.000.000			495.000.000		75.000.000	263.000.000			263.000.000	0		0			0		0	
5	Dự án 5																			
6	Dự án 6																			
6,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 6*																			
6.2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 6*	158.000.000			137.000.000		21.000.000							250000000			217000000		33000000	
7	Dự án 7	364.000.000			316.000.000		48.000.000							0			0		0	
7,1	*Tiểu Dự án 1 Dự án 7*																			
7,2	*Tiểu Dự án 2 Dự án 7*																			

Ghi chú:
1. Tên dự án, tiểu dự án được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
2. Đề nghị các địa phương không thay đổi biểu mẫu báo cáo.